TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143/2024/QĐST-VHNGĐ	

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: **Bà Hoàng Vĩnh Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 114/2024/TLST-VHNGĐ ngày 03/05/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 111/QĐST-VHNGĐ ngày 09/05/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- **Ông N N V**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 4 nhà 1 Tập thể cao su đường sắt, ngõ 29 L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội; Hiện ở: 33 V C, B, On Canada L6P 3W7; Hộ chiếu số: C******* do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11/01/2017.

Ông N N V ủy quyền cho bà N T Đ T giao, nhận các văn bản tố tụng và các quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Bà N T Đ T**, sinh năm 1975; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và hiện ở: Số 4 nhà 1 Tập thể cao su đường sắt, ngõ 29 L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội. Chứng minh nhân dân số: **********do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05/09/2014.

Bà N T Đ T ủy quyền cho chị N L T (sinh năm 1997; Căn cước công dân số ********** do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 24/4/2021; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và hiện ở: Số 4 nhà 1 Tập thể cao su đường sắt, ngõ 29 L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội) giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Chị N L T là con gái của ông V và bà T.

Ông V, bà T đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; Chị T có mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

*** Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của ông N N V và bà N T Đ T cùng trình bày:**

- ***Về tình cảm*:** Ông N N V và bà N T Đ T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 01 năm 1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Ngoài ra, năm 2017 ông V đi sang Canada nên khoảng cách địa lý xa nhau khiến cho cả hai không còn quan tâm và chia sẻ với nhau. Nay ông V và bà T nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N N V và bà N T Đ T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- ***Về con chung:*** Ông V và bà T có 02 con chung là N L T, sinh ngày 31/10/1997 và cháu N N T L, sinh ngày 31/7/2008. Ly hôn, ông V và bà T thống nhất thỏa thuận bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N N T L. Chị T đã trưởng thành, muốn ở với ai là tùy ở chị T nên ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V và bà T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung:*** Ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Ông V và bà T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về lệ phí giải quyết ly hôn***: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại phiên họp: Ông N N V, bà N T Đ T có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông bà; Chị N L T có mặt và đồng ý nhận sự ủy quyền của bà T là giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Chị T cam kết thông báo và gửi ngay các văn bản, quyết định của Tòa án để bà T được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

- Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình

được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông N N V và bà N T Đ T có đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Ông N N V hiện đang sinh sống và làm việc tại Canada nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của ông N N V và bà N T Đ T tại phiên họp: Ông V và bà T vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có ý kiến và đơn trình bày xin giải quyết vắng mặt. Đồng thời bà T có giấy ủy quyền cho chị N L T (con gái của ông V và bà T) giao, nhận văn bản tố tụng thay bà. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt ông V và bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa ông N N V và bà N T Đ T do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 01 năm 1997. Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Ông V và bà T xác nhận có 02 con chung là chị N L T, sinh ngày 31/10/1997 và cháu N N T L, sinh ngày 31/7/2008. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Chị T đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Ông bà tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà N T Đ T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N N V và bà N T Đ T.**

2. Về con chung: Ông N N V và bà N T Đ T có 02 con chung là chị N L T, sinh ngày 31/10/1997 và cháu N N T L, sinh ngày 31/7/2008. Ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của ông V và bà T như sau: Giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N N T L cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác. Ông V, bà T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Chị T đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Ông V có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N T Đ T chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0023277 ngày 02/05/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bà T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/05/2024.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận B Đ, thành phố Hà Nội ;
- Lưu;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh